

Số: 511/TB-BVND1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2017

## THÔNG BÁO

### Kết quả tự đánh giá chất lượng bệnh viện Nhi đồng 1, năm 2017

Từ ngày 09/11/2017 đến ngày 14/11/2017, Bệnh viện Nhi đồng 1 đã tổ chức Đoàn tự đánh giá chất lượng bệnh viện theo Bộ Tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam phiên bản 2.0 và hướng dẫn của Cục Quản lý khám, chữa bệnh tại Công văn số 1618/KCB-QLCL ngày 02/11/2017.

Giám đốc bệnh viện thông báo kết quả tự đánh giá chất lượng năm 2017:

#### 1. Kết quả chung:

- Tổng số tiêu chí áp dụng: 79/83 (95,2%)
- Tổng số điểm đạt: 323
- Điểm trung bình: 4,09 (năm 2014: 3,68; năm 2015: 4,0; năm 2016: 4,01)  
Điểm trung bình sau nhân hệ số: 4,13
- Phân tích theo các mức chất lượng và tiêu chí:

Kết quả theo mức	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Tổng số
Số lượng tiêu chí đạt	0	5	11	35	28	79/83
% tiêu chí đạt	0%	6,33%	13,92%	44,30%	35,44%	

#### 2. Điểm trung bình theo các nhóm của Bộ tiêu chí chất lượng:

- Phần A: Hướng đến người bệnh: 3,89 (năm 2016: 3,33 – năm 2015: 3,39)
- Phần B: Phát triển nhân lực: 3,93 (năm 2016: 3,56 – năm 2015: 4,00)
- Phần C: Hoạt động chuyên môn: 4,34 (năm 2016: 4,40 – năm 2015: 4,34)
- Phần D: Cải tiến chất lượng: 4,00 (năm 2016: 4,20 – năm 2015: 3,73)
- Phần E: Tiêu chí chuyên khoa: 2,00 (năm 2016: 2,00 – năm 2015: 5,00)

Các trường khoa, phòng thông báo kết quả cho nhân viên tại giao ban khoa, phòng.

Giao phòng Quản lý chất lượng thực hiện niêm yết kết quả tự đánh giá tại các bảng thông tin của bệnh viện; Ban quản trị Website và phòng Công nghệ thông tin thông báo kết quả đánh giá trên Website bệnh viện./.

#### Nơi nhận:

- GD, các PGD;
- Phòng QLCL, CNTT, Quản trị Website (thực hiện);
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, QLCL.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Hùng



**Phụ lục I:**

**Kết quả điểm đánh giá chất lượng chi tiết theo các tiêu chí**

(kèm theo Thông báo số: 571 /TB-BVND 1 ngày 16/11/2017)

Tiêu chí	Chuẩn	2013	2014	2015	2016	2017
<b>PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)</b>	<b>5</b>	<b>3,01</b>	<b>3,18</b>	<b>3,31</b>	<b>3,33</b>	<b>3,89</b>
A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn người bệnh (6)	5	3,33	3,50	3,83	4,00	4,67
A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)	5	2,20	2,20	2,20	2,40	3,20
A3. Điều kiện chăm sóc người bệnh (2)	5	3,50	3,00	3,00	3,50	3,50
A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)	5	3,00	4,00	4,20	3,40	3,80
<b>PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)</b>	<b>5</b>	<b>3,23</b>	<b>3,75</b>	<b>4,06</b>	<b>3,56</b>	<b>3,93</b>
B1. Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện (3)	5	2,67	4,00	4,33	3,00	3,33
B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)	5	3,00	4,00	4,67	4,00	4,33
B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)	5	3,50	3,50	3,75	3,75	4,00
B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)	5	3,75	3,50	3,50	3,50	4,00
<b>PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)</b>	<b>5</b>	<b>3,26</b>	<b>3,56</b>	<b>4,17</b>	<b>4,40</b>	<b>4,34</b>
C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)	5	2,50	3,00	4,00	4,00	4,00
C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)	5	2,50	2,00	3,00	4,00	4,00
C3. Công nghệ thông tin y tế (2)	5	3,50	3,50	3,00	4,50	3,50
C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)	5	3,67	4,83	4,83	4,83	4,50
C5. Chất lượng lâm sàng (5)	5	3,00	3,67	4,40	4,60	4,80



Tiêu chí	Chuẩn	2013	2014	2015	2016	2017
C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)	5	3,00	3,60	4,67	4,67	4,67
C7. Dinh dưỡng và tiết chế (5)	5	3,20	3,40	4,60	4,00	4,20
C8. Chất lượng xét nghiệm (2)	5	4,00	4,00	4,50	4,50	4,50
C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)	5	3,17	4,00	4,33	4,50	4,33
C10. Nghiên cứu khoa học (2)	5	4,00	4,00	4,50	4,50	4,00
<b>PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)</b>	<b>5</b>	<b>2,43</b>	<b>3,80</b>	<b>3,76</b>	<b>4,20</b>	<b>4,00</b>
D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)	5	2,00	4,00	3,00	4,33	4,00
D2. Phòng ngừa sự cố và khắc phục (5)	5	2,80	3,40	3,60	3,60	4,00
D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)	5	2,50	4,00	4,67	4,67	4,00
<b>PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA</b>	<b>5</b>	<b>4,00</b>	<b>5,00</b>	<b>5,00</b>	<b>2,00</b>	<b>2,00</b>
E1. Tiêu chí sản khoa (3)	0	-	-	-	-	-
E2. Tiêu chí nhi khoa (1)	5	0,00	0,00	0,00	2,00	2,00

